

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về thu học phí, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên đại học, cao đẳng và liên thông cao đẳng lên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Căn cứ Quyết định số 1249/BNN-TCCB ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTĐ&XH ngày 25 tháng 8 năm 1998; và Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTĐ&XH ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐ&XH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy định về thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên đại học, cao đẳng và liên thông cao đẳng lên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1475/QĐ-ĐHTL ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng Phòng Chính trị & Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng các khoa, trung tâm, phân hiệu Miền Nam, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (đề b/c);
- Như điều 3;
- Website Trường;
- Lưu VT, CT&CTSV, TC-KT.

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS.TS Nguyễn Trung Việt

**QUY ĐỊNH VỀ THU HỌC PHÍ VÀ CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐẠI HỌC,
CAO ĐẲNG VÀ LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

*(Kèm theo Quyết định số 770/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)*

CHƯƠNG I – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên học đại học, cao đẳng và liên thông cao đẳng lên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Thủy lợi bậc đại học, cao đẳng, liên thông cao đẳng lên đại học hệ chính quy.

CHƯƠNG II – QUY ĐỊNH VỀ THU HỌC PHÍ

Điều 3. Quy định về thu học phí

1. Thời gian thu học phí

Học phí được thu định kỳ hàng tháng hoặc hàng kỳ và thực hiện như sau:

- Học phí của học kỳ chính được thu một lần vào 2 tuần cuối trước khi kết thúc thời gian học của mỗi học kỳ.
- Học phí của học kỳ song song với học kỳ chính, học kỳ hè được thu vào tuần học thứ hai của mỗi kỳ học.

2. Mức thu học phí

Học phí của trường được xác định cho từng năm học và căn cứ vào khung học phí quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015.

Học phí được thông báo công khai trước mỗi năm học và nhằm khuyến khích sinh viên thực hiện kế hoạch học tập đúng thời hạn quy định.

2.1. Đối với sinh viên học theo chương trình truyền thống

Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký học trong mỗi kỳ và bằng tổng số tín chỉ quy định cho các học phần đó nhân với mức tiền học phí của 1 tín chỉ.

2.2. Đối với sinh viên học theo chương trình tiên tiến

- Đối với các môn học Lý luận chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký học và bằng tổng số tín chỉ quy định cho các học phần đó nhân với mức tiền học phí của 1 tín chỉ quy định cho chương trình truyền thống hệ đại học chính quy.

- Các môn học bằng tiếng Anh (theo chương trình của trường đối tác) và môn học tiếng Anh: Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký học và bằng tổng số tín chỉ quy định cho các học phần đó nhân với mức tiền học phí của 1 tín chỉ quy định cho chương trình tiên tiến.

2.3. Đối với các môn học được Nhà trường cho phép miễn hoặc không phải học: sinh viên không phải nộp học phí.

2.4. Đối với sinh viên được Nhà trường cho phép ngừng học, thôi học trong học kỳ hoặc dừng thực hiện học phần tốt nghiệp (HPTN), học phí phải nộp như bảng dưới đây:

| TT | Thời gian theo học trong kỳ hoặc thời gian đã thực hiện HPTN | Mức học phí phải nộp | |
|----|--|----------------------|-----------------------------|
| | | Tại kỳ chính | Tại kỳ song song hoặc kỳ hè |
| 1 | Dưới 10 ngày | Không phải nộp | Không phải nộp |
| 2 | Từ 10 ngày ÷ dưới 20 ngày | Nộp 30% học phí | Nộp 50% học phí |
| 3 | Từ 20 ngày ÷ dưới 40 ngày | Nộp 70% học phí | Nộp 100% học phí |
| 4 | Từ 40 ngày trở lên | Nộp 100% học phí | |

Ghi chú:

- Học phí phải nộp tính dựa trên số tín chỉ sinh viên đã học theo thời gian tính từ khi tín chỉ bắt đầu học trong học kỳ đó cho đến thời điểm ngừng học, thôi học hoặc dừng thực hiện HPTN theo Quyết định của Nhà trường;

- Số ngày tính nộp học phí xác định theo ngày làm việc (không bao gồm ngày nghỉ, ngày Lễ Tết).

Điều 4. Xử lý sinh viên đóng học phí không đúng hạn

Sinh viên thực hiện không theo đúng quy định về nộp học phí tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này, sinh viên sẽ bị xử lý theo các mức dưới đây:

| TT | Thời gian nộp chậm học phí so với quy định | Hình thức xử lý |
|----|--|-------------------------------------|
| 1 | Dưới 10 ngày | Khóa tài khoản đăng ký học 1 tháng |
| 2 | Từ 10 ngày ÷ dưới 20 ngày | Khóa tài khoản đăng ký học 3 tháng |
| 3 | Từ 20 ngày trở lên | Khóa tài khoản đăng ký học 1 học kỳ |

Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên muốn hoãn nộp học phí theo thời gian quy định, phải làm đơn nộp về phòng Chính trị & Công tác sinh viên trước thời hạn thu học phí để Nhà trường xem xét.

CHƯƠNG III – QUY ĐỊNH VỀ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Điều 5. Đối tượng được miễn học phí

a) Đối tượng 1: Sinh viên là người có công với cách mạng và sinh viên là con của người có công với cách mạng (*theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội*). Cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Đối tượng 2: Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối tượng 3: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Đối tượng 4: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, trong đó:

+ Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ó Đu;

+ Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn: xem tại Phụ lục I.

e) Đối tượng 5: Sinh viên (tuổi không quá 22) thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể:

+ Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

+ Mồ côi cả cha và mẹ;

+ Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;

+ Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

+ Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

+ Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

+ Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

f) Đối tượng 6: Sinh viên hệ cử tuyển.

Điều 5. Đối tượng được giảm học phí

1. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên người dân tộc thiểu số (không phải là người dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (chi tiết, xem tại Phụ lục I).

2. Đối tượng được giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 6. Trình tự, thủ tục và hồ sơ miễn, giảm học phí

1. Hồ sơ miễn, giảm học phí:

Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí (*trừ sinh viên hệ cử tuyển thuộc đối tượng 6*) phải nộp hồ sơ cho Nhà trường theo quy định ở bảng dưới đây:

| TT | Đối tượng | Hồ sơ cần phải nộp <i>(Các bản sao phải có chứng thực hoặc bản chính để đối chiếu)</i> | Ghi chú |
|-----------|--|--|--|
| I | Đối tượng miễn 100% học phí | | |
| 1.1 | Đối tượng 1: Sinh viên là con của người có công với cách mạng được hưởng ưu đãi | 1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công; 3/ Bản sao thẻ Thương bệnh binh hoặc quyết định hưởng ưu đãi của bố /mẹ. | Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học |
| 1.2 | Đối tượng 2: Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ | 1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã hoặc QĐ trợ cấp xã hội của UBND cấp huyện; 3/ Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo. | Nộp hồ sơ một lần vào đầu khóa học và bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo vào đầu mỗi học kỳ |

| TT | Đối tượng | Hồ sơ cần phải nộp (Các bản sao phải có chứng thực hoặc bản chính để đối chiếu) | Ghi chú |
|-----------|--|---|--|
| 1.3 | Đối tượng 3: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ | 1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số; 3/ Bản sao Sổ hoặc Giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo. | Nộp hồ sơ một lần vào đầu khóa học và bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo vào đầu mỗi học kỳ |
| 1.4 | Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn | 1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người; 3/ Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy đăng ký tạm trú; 4/ Giấy chứng nhận vùng theo hộ khẩu có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có). | Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học |
| 1.5 | Đối tượng 5: Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ, tuổi không quá 22 | 1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc Xác nhận của UBND xã (phường) là cha và mẹ đã mất. 3/ Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. | Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học |
| II | Đối tượng giảm học phí | | |
| 2.1 | Đối tượng giảm 70% học phí: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (<i>không phải là người dân tộc thiểu số rất ít người</i>) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn | 1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số; 3/ Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy đăng ký tạm trú; 4/ Giấy chứng nhận vùng theo hộ khẩu có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có). | Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học |
| 2.2 | Đối tượng giảm 50% học phí: Sinh viên là con của cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên | 1/ Đơn đề nghị miễn giảm học phí (<i>mẫu tại phụ lục II</i>); 2/ Bản sao Giấy khai sinh; 3/ Bản sao Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố/mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp. | Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học |

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

2.1. Trình tự thực hiện:

- Vào đầu khóa học, sinh viên mới nhập học nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này cho Phòng Chính trị và Công tác sinh viên.
- Vào đầu mỗi học kỳ: sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí chưa nộp hồ sơ vào đầu khóa học và những sinh viên đã được miễn học phí ở các kỳ trước thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo nộp hồ sơ cho Phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

2.2. Thủ tục hồ sơ:

Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí cho học kỳ tiếp theo.

Điều 7. Cơ chế miễn, giảm học phí

1. Đối với sinh viên học theo chương trình truyền thống

a/ Với các môn học thuộc chương trình đào tạo của ngành thứ nhất:

- Những môn học đăng ký học lần đầu: được miễn, giảm học phí ở học kỳ chính theo quy định. Trong học kỳ song song với học kỳ chính, học kỳ hè, cũng được xét miễn giảm tương ứng như với học kỳ chính liền kề trước đó.
- Những môn học đăng ký học lần thứ hai trở đi: đóng 100% học phí theo quy định.

b/ Với các môn học các môn học thuộc chương trình đào tạo của ngành thứ hai: đóng 100% học phí theo quy định.

2. Đối với sinh viên học theo chương trình tiên tiến và sinh viên học chương trình liên thông cao đẳng lên đại học

a/ Sinh viên thuộc diện miễn học phí

- Đối với các môn học lần đầu: sinh viên được miễn học phí bằng mức học phí quy định của chương trình truyền thống bậc đại học hệ chính quy. Sinh viên phải đóng phần chênh học phí giữa mức học phí của chương trình tiên tiến hoặc chương trình liên thông với mức học phí được miễn.
- Đối với các môn học lần thứ hai trở đi: đóng 100% học phí theo quy định.

b/ Sinh viên thuộc diện giảm học phí

- Đối với các các môn học lần đầu: sinh viên được giảm học phí bằng 70% hoặc 50% mức học phí quy định của chương trình truyền thống bậc đại học hệ chính quy. Sinh viên phải đóng phần chênh học phí giữa mức học phí của chương trình tiên tiến hoặc chương trình liên thông với mức học phí được giảm.
- Đối với các môn học lần thứ hai trở đi: đóng 100% học phí theo quy định.

3. Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian sinh viên học tập tại trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

4. Các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

5. Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học 2 ngành đào tạo thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí tại ngành đào tạo thứ nhất.
6. Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên thuộc diện được miễn, giảm trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở đào tạo khác, nay tiếp tục học tại Trường Đại học Thủy lợi cùng cấp, cùng trình độ đào tạo.
7. Nhà trường chỉ thực hiện miễn, giảm học phí cho sinh viên tính từ thời điểm sinh viên nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định; không giải quyết miễn, giảm học phí đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi đơn đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

CHƯƠNG IV – QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC PHÍ

Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước đang học cao đẳng, đại học hệ chính quy tại Trường (không áp dụng đối với sinh viên: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học).

Điều 9. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên.

Điều 10. Thủ tục thực hiện

Vào đầu mỗi học kỳ: sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học phí nộp hồ sơ cho Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*mẫu tại phụ lục III*);
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Bản sao Sổ hoặc Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo.

CHƯƠNG V – QUY ĐỊNH VỀ TRỢ CẤP XÃ HỘI (TCXH)

Điều 11. Đối tượng được hưởng TCXH

Sinh viên đang theo học trong thời gian thiết kế cho chương trình đào tạo của ngành đào tạo thứ nhất ở bậc đại học, cao đẳng hệ chính quy tại trường Đại học Thủy lợi thuộc các diện sau đây:

1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao;
2. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa;
3. Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 81/CP ngày 23 tháng 11 năm 1995;
4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục, thời gian và mức hưởng TCXH

1. Hồ sơ và mức hưởng TCXH

1.1. Đối với sinh viên dân tộc ít người ở vùng cao:

- Điều kiện: căn cứ để xác định sinh viên là người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc hoặc giấy kết hôn của cha mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị mất), trong đó có ghi cha hoặc mẹ là người dân tộc ít người; đồng thời sinh viên có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào trường Đại học Thủy lợi)

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị được hưởng TCXH (theo mẫu tại Phụ lục IV);

+ Bản sao công chứng giấy khai sinh của sinh viên (có bản gốc để đối chiếu) hoặc giấy đăng ký kết hôn của cha mẹ trong trường hợp giấy khai sinh bản gốc bị mất;

+ Bản sao công chứng sổ hộ khẩu gia đình.

- Mức trợ cấp: 140.000đ/tháng.

1.2. Đối với sinh viên mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa:

- Điều kiện: sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên.

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị được hưởng TCXH (theo mẫu tại Phụ lục IV);

+ Bản sao công chứng giấy khai sinh của sinh viên;

+ Bản sao công chứng giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc xác nhận của UBND cấp Xã (Phường) là cha mẹ đã mất;

+ Xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú: xác nhận sinh viên không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên.

- Mức trợ cấp: 100.000đ/tháng.

1.3. Đối với sinh viên là người tàn tật và có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn:

- Điều kiện: Sinh viên là người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật và được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác nhận.

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị được hưởng TCXH (theo mẫu tại Phụ lục IV);

+ Biên bản giám định thương tật của Hội đồng Y khoa có thẩm quyền;

+ Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của UBND cấp Xã (Phường).

- Mức trợ cấp: 100.000đ/tháng.

1.4. Đối với sinh viên thuộc diện hộ nghèo vượt khó học tập:

- Điều kiện: Sinh viên có gia đình thuộc diện hộ nghèo, đồng thời có Điểm trung bình chung học kỳ đạt loại Khá trở lên và rèn luyện đạt từ loại Tốt trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét trợ cấp. Trong đó: Điểm trung bình chung học tập của học kỳ xét TCXH tính theo kết quả tổng kết học phần môn học ở lần thi thứ nhất các môn học lần đầu sinh viên đăng ký học trong học kỳ (gồm kỳ chính & kỳ phụ tổ chức trong kỳ chính đó, không bao gồm các môn học: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, chính trị cuối khóa, văn bằng 2 và các môn học được bảo lưu), cụ thể:

+ Kết quả tổng kết học phần môn học ở lần thi thứ nhất các tín chỉ môn học lần đầu không có điểm dưới trung bình;

+ Số tín chỉ môn học lần đầu đăng ký học & thi trong kỳ phải tối thiểu 15 tín chỉ; hoặc bằng số tín chỉ tối đa mở cho ngành đó ở mỗi học kỳ (gồm kỳ chính & kỳ phụ mở trong kỳ chính đó) nếu số tín chỉ tối đa mở cho ngành học đó trong học kỳ nhỏ hơn 15 tín chỉ (riêng học kỳ cuối sẽ tính với số tín chỉ của Học phần tốt nghiệp). Với những sinh viên có số tín chỉ môn học lần đầu học và thi ít hơn số tín chỉ quy định ở học kỳ xét TCXH (do đã học vượt một số môn ở kỳ trước) nếu có số tín chỉ tích lũy đến thời điểm xét \geq số tín chỉ tích lũy quy định theo chương trình đào tạo cũng sẽ được xét TCXH.

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị được hưởng TCXH (theo mẫu tại Phụ lục IV);

+ Giấy chứng nhận sinh viên thuộc hộ nghèo do UBND cấp xã xác nhận;

- Mức trợ cấp 100.000đ/tháng.

2. Thủ tục xin hưởng TCXH

- Sinh viên (thuộc đối tượng 1.1, 1.2, 1.3 tại khoản 1 Điều 12) chỉ nộp hồ sơ xin hưởng TCXH duy nhất một lần trong toàn khóa học theo quy định, Nhà trường sẽ xét cấp TCXH cho sinh viên đủ điều kiện tính từ thời điểm sinh viên nộp hồ sơ cho đến khi kết thúc khóa học (nếu không có sự thay đổi về đối tượng TCXH).

- Sinh viên (thuộc đối tượng 1.4 tại khoản 1 Điều 12): phải nộp hồ sơ mỗi kỳ một lần theo quy định, sau khi có kết quả học tập và rèn luyện của học kỳ trước liền kề. Nhà trường sẽ xét cấp TCXH cho sinh viên theo từng học kỳ.

Trường hợp sinh viên thuộc đối tượng được hưởng TCXH không có đơn đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định thì chỉ được hưởng TCXH tính từ ngày sinh viên nộp đầy đủ hồ sơ; không giải quyết cấp TCXH đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi đơn đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

3. Thời gian hưởng TCXH:

* **Đối với sinh viên học bình thường:**

- Trong một năm TCXH được cấp đủ 12 tháng. Đối với thời gian học năm cuối không đủ 12 tháng thì TCXH được cấp theo số tháng thực học của năm học đó.

- TCXH được cấp thông qua thẻ ATM của sinh viên và được cấp hai lần trong năm, mỗi lần cấp 6 tháng, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất cấp vào tháng 10 hàng năm (sau 10 ngày kể từ khi có kết quả xét học vụ của học kỳ 2 liền trước)

+ Lần thứ hai cấp vào tháng 3 hàng năm (sau 10 ngày kể từ khi có kết quả xét học vụ của học kỳ 1 liền trước)

Riêng đối với sinh viên mới nhập học, lần cấp TCXH thứ nhất của khóa học sẽ cấp vào tháng 3 của năm liền sau.

*** Đối với sinh viên thuộc diện dừng học:**

- Sinh viên dừng học do ốm đau, tai nạn: được hưởng TCXH như sinh viên học bình thường.

- Sinh viên dừng học vì lý do cá nhân hoặc bị đình chỉ học tập do kỷ luật: không được hưởng TCXH trong thời gian dừng học hoặc bị đình chỉ. Khi sinh viên được nhập học lại sau khi hết thời hạn kỷ luật, Nhà trường sẽ tiếp tục cấp TCXH cho sinh viên.

*** Đối với sinh viên thuộc diện thôi học:**

Sinh viên tự thôi học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học: không được nhận TCXH, kể từ thời điểm thôi học.

CHƯƠNG V – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân báo cáo Ban Giám hiệu bằng văn bản (*qua Phòng Chính trị và Công tác sinh viên*) để được xem xét giải quyết.

- Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quy định này sẽ được xem xét khen thưởng; nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

GS.TS Nguyễn Trung Việt

Phụ lục I

DANH MỤC VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
2. Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
3. Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
4. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 8/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
5. Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh Mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;
6. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh Mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.
7. Các địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư.

Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).

Phụ lục II

**BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
(Dành cho sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí
theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủy lợi
Phòng Chính trị và Công tác sinh viên – Trường Đại học Thủy lợi

Tên em là:Mã số SV:.....

Ngày, tháng, năm sinh:Số điện thoại:

Lớp:.....Khoa:.....

Em thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí (*tích vào ô dưới đây*):

1. Là con của người có công với cách mạng được hưởng ưu đãi.....
(Kèm theo Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và bản sao công chứng thẻ Thương bệnh binh của bố/mẹ (nếu có))

2. Bản thân bị tàn tật thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.....
(Kèm theo Giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã hoặc QĐ trợ cấp xã hội của UBND cấp huyện và Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo)

3. Bản thân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.....
(Kèm theo bản sao công chứng Giấy khai sinh và Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo)

4. Bản thân là người dân tộc thiểu số rất ít người và ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.....
(Kèm theo bản sao công chứng Giấy khai sinh; Bản sao công chứng sổ hộ khẩu hoặc Giấy đăng ký tạm trú và Giấy chứng nhận vùng có điều kiện KT - XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (nếu có))

5. Bản thân là con mồ côi cả cha lẫn mẹ.....
(Kèm theo bản sao công chứng Giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc Giấy xác nhận của UBND xã/phường cha và mẹ đã mất & Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện)

6. Bản thân là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.....
(Kèm theo bản sao công chứng Giấy khai sinh; Bản sao công chứng sổ hộ khẩu hoặc Giấy đăng ký tạm trú và Giấy chứng nhận vùng có điều kiện KT - XH đặc biệt khó khăn (nếu có))

7. Là con của cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.....
(Kèm theo bản sao công chứng công chứng Giấy khai sinh và Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố/mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp)

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, em làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục III

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dành cho sinh viên thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí học tập
theo Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ)

**Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủy lợi
Phòng Chính trị và Công tác sinh viên – Trường Đại học Thủy lợi**

Tên em là:.....Lớp:.....Mã số SV:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:.....

Hiện có hộ khẩu thường trú tại:.....

.....

Em là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo năm và em không thuộc đối tượng sinh viên thuộc diện: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

Vậy em viết đơn này đề nghị Nhà trường xem xét hỗ trợ chi phí học tập cho em theo quy định.

Em nộp kèm theo đơn này:

- Bản sao công chứng Sổ hoặc Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo của năm
- Bản sao công chứng Giấy khai sinh;

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

**BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

ĐƠN XIN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI

**Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủy lợi
Phòng Chính trị và Công tác sinh viên – Trường Đại học Thủy lợi**

Tên em là:.....Lớp:.....Mã số SV:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Hiện có hộ khẩu thường trú tại:.....

Em thuộc đối tượng được hưởng Trợ cấp xã hội (*tích vào ô dưới đây*):

1. Là người dân tộc ít người ở vùng cao

(Kèm theo bản sao công chứng giấy khai sinh hoặc giấy xác nhận dân tộc và Sổ hộ khẩu gia đình)

2. Là người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa

(Kèm theo bản sao công chứng giấy khai sinh; giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc xác nhận của UBND cấp Xã (Phường) là cha mẹ đã mất; và xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã)

3. Bản thân bị tàn tật có khó khăn về kinh tế

(Kèm theo Biên bản giám định thương tật của Hội đồng Y khoa có thẩm quyền; và Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của UBND cấp Xã/Phường)

4. Bản thân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.....

Trong đó học kỳ ... năm học 20... – 20... có:

ĐTBCHT (thang điểm 4) đạt: và rèn luyện xếp loại:

(Kèm theo Sổ hoặc Giấy chứng nhận sinh viên thuộc hộ nghèo năm 20...)

Nay em làm đơn này đề nghị Nhà trường xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp xã hội cho em theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)